

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17 – 7 - 2025

V/v: Yêu cầu giải quyết ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

- Những người tiến hành tố tụng gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kỳ Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Anh Văn, bà Lò Thu Hằng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Văn Thiết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Sơn La tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thanh Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2025/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 về yêu cầu giải quyết ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vì Thị K, sinh năm 1987; địa chỉ: Bản T, xã L, huyện Y, tỉnh Sơn La (Nay là xã L, tỉnh Sơn La). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vì Văn N, sinh năm 1982; địa chỉ: Bản T, xã L, huyện Y, tỉnh Sơn La (Nay là xã L, tỉnh Sơn La). Vắng mặt không có lý do.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND xã Lóng Phiêng, tỉnh Sơn La (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 19/5/2025 - Nguyên đơn chị Vì Thị K trình bày:

Chị Vì Thị K và anh Vì Văn N tự nguyện kết hôn ngày 30/10/2003 tại UBND xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Sau kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến cãi chửi nhau. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến đời sống chung. Chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết

ly hôn anh N.

Về con chung: Có 02 cháu là Vì Thị X, sinh ngày 10/8/2002 và Vì Si C, sinh ngày 24/6/2016. Do cháu X đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Vì Si C dưới 18 tuổi thì chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện chị K đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *Trích lục kết hôn; bản phô tô căn cước công dân chị Vì Thị K, anh Vì Văn N; xác nhận thông tin về cư trú chị Vì Thị K, anh Vì Văn N và 02 cháu Vì Thị X và Vì Si C.*

Tại bản tự khai ngày 19/5/2025 – Bị đơn anh Vì Văn N trình bày: Việc kết hôn giữa anh và chị Vì Thị K như chị Kính trình bày là đúng. Quá trình chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì do bất đồng quan điểm nên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng thường hay cãi vã, xích mích và không còn hạnh phúc. Sự việc đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Anh chị đã ly thân từ năm 2023 đến nay, anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Về con chung có 01 cháu Vì Si C dưới 18 tuổi, đề nghị chị K trực tiếp nuôi cháu. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/5/2025, các bên đương sự có ý kiến như sau:

- Nguyên đơn - Chị Vì Thị K giữ yêu cầu giải quyết ly hôn; yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Vì Si C, không yêu cầu anh Vì Văn N cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; về vay nợ chung cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn – Anh Vì Văn N có ý kiến: Nhất trí ly hôn chị K; đề nghị chị K trực tiếp nuôi cháu Vì Si C, không cấp dưỡng nuôi con chung do không có nghề nghiệp, thu nhập; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; về vay nợ chung cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến của cháu Vì Si C thể hiện: Cháu có nguyện vọng được trực tiếp ở với mẹ là chị Vì Thị K. Lý do không muốn ở cùng bố là do anh Vì Văn N thường xuyên đi làm thuê, uống rượu say.

Tại biên bản xác minh việc đăng ký kết hôn của UBND xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu có nội dung: Tại số thứ tự 116 của Sổ đăng ký kết hôn tại UBND xã vào ngày 30/10/2003 đã đăng ký kết hôn cho chị Vì Thị K, sinh năm 1983 và anh Vì Văn N, sinh năm 1982. Việc xác định tuổi kết hôn của hai bên dựa vào lời khai của người đến đăng ký kết hôn, không có giấy tờ chứng minh về tuổi của công dân đăng ký kết

hôn. So sánh tuổi chị Vì Thị K tại thời điểm đăng ký kết hôn (1983) với tuổi theo căn cước công dân (1987) là không thống nhất. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn - Chị Vì Thị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị K giữ yêu cầu giải quyết ly hôn anh Vì Văn N; yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Vì Si C, sinh ngày 24/6/2016 cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa bị đơn anh Vì Văn N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; xét xử vắng mặt anh Vì Văn N.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - UBND xã Lóng Phiêng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và thư ký Tòa án đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, đại diện UBND xã Lóng Phiêng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 11, 12, 15, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Tuyên xử: Không công nhận quan hệ giữa chị Vì Thị K và anh Vì Văn N là vợ chồng; hủy giấy chứng nhận kết hôn số 116/2003 ngày 30/10/2003 do UBND xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu (*Nay là xã Lóng Phiêng, tỉnh Sơn La*) đã cấp cho chị K, anh N; giao cháu Vì Si C cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Vì Văn N cư trú tại bản Tà Vàng, xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (*Nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La*), theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố

tụng Dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, đại diện UBND xã Lóng Phiêng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu giải quyết ly hôn:

[2.1] Chị Vì Thị K, sinh ngày 15/01/1987 đăng ký kết hôn với anh Vì Văn N (Sinh năm 1982) vào ngày 30/10/2003, thời điểm chị K mới 15 tuổi 11 tháng 15 ngày. Do đó vi phạm về tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; quá trình hòa giải chị K giữ yêu cầu giải quyết ly hôn anh N. Tòa án xét thấy thời điểm đăng ký kết hôn chị K chưa đủ tuổi kết hôn tuy nhiên UBND xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu vẫn cấp đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 “*Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên*”. Do đó yêu cầu giải quyết ly hôn của chị K không được chấp nhận mà cần tuyên bố quan hệ giữa chị Vì Thị K và anh Vì Văn N không phải là vợ chồng, theo quy định tại Điều 11, 12, và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC -VKSNDTC ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuyên hủy giấy chứng nhận kết hôn số 116/2003 ngày 30/10/2003 do UBND xã Lóng Phiêng đã cấp cho chị K, anh N, theo Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về con chung: Chị K anh N có 01 con chung dưới 18 tuổi là cháu Vì Si C, sinh ngày 24/6/2016. Chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị K là chính đáng, có sự đồng thuận của anh N tại phiên hòa giải cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu C. Căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; cần giao cháu Vì Si C cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có điều kiện.

[2.3] Về tài sản chung: Do chị K, anh N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về vay nợ chung: Chị K, anh N cam kết không vay nợ ai, không yêu cầu tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Vì Thị K là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 11, 12, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 34, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ giữa chị Vì Thị K và anh Vì Văn N là vợ chồng.
2. Hủy giấy chứng nhận kết hôn số: 116/2003 ngày 30/10/2003 do UBND xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (Nay là xã Lóng Phiêng, tỉnh Sơn La) đã cấp cho chị Vì Thị K và anh Vì Văn N.
3. Về con chung: Giao cháu Vì Si C, sinh ngày 24/6/2016 cho chị Vì Thị K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Vì Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Vì Văn N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không được ai cản trở.
4. Về án phí: Buộc chị Vì Thị K chịu phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng. Được khấu trừ vào số tạm ứng án phí (300.000 đồng) chị Kính đã nộp, theo biên lai thu số: 0002986 ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Vì Thị K, anh Vì Văn N và UBND xã Lóng Phiêng, tỉnh Sơn La được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án theo thủ tục hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La ;
- VKSND khu vực 4 – Sơn La (2 bản);
- Các đương sự;
- Người có QLNVLQ;
- UBND xã Lóng Phiêng, tỉnh Sơn la;
- THADS tỉnh Sơn La;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kỳ Việt